

## LEGAL AWARENESS OF HUMAN RIGHTS AMONG STUDENTS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

Nguyen Vo Anh<sup>\*1</sup>, Nguyen Linh Phong<sup>2</sup>

\* Corresponding author:  
Email: anhnv@hcmue.edu.vn

<sup>2</sup> Email: phongnl@hcmue.edu.vn

<sup>1,2</sup> Ho Chi Minh City University of Education  
280 An Duong Vuong street, Cho Quan ward,  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 20/4/2026

Revised: 15/5/2026

Accepted: 10/6/2026

Published: 15/7/2026

**Abstract:** This study analyzes students' legal awareness of human rights in educational activities at Ho Chi Minh City University of Education. Using a quantitative, cross-sectional descriptive design, the study surveyed 489 full-time students with a structured questionnaire and analyzed the data using descriptive statistics in JAMOVI. The findings show that students generally hold positive attitudes toward human rights and acknowledge the role of human rights education in teacher education. However, their knowledge remains uneven, especially regarding human rights categories and international legal instruments. Their participation in human rights education activities is present but not equally strong across seminars, community projects, and self-directed learning. The results provide an empirical basis for reviewing curriculum content, strengthening experiential learning, and improving the integration of human rights education in teacher training.

**Keywords:** *Legal awareness of human rights, teacher education students, human rights education, teacher training.*

## THỰC TRẠNG NHẬN THỨC PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Võ Anh<sup>\*1</sup>, Nguyễn Linh Phong<sup>2</sup>

\* Tác giả liên hệ:  
Email: anhnv@hcmue.edu.vn

<sup>2</sup> Email: phongnl@hcmue.edu.vn

<sup>1,2</sup> Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh  
280 An Dương Vương, phường Chợ Quán,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 20/4/2026

Chỉnh sửa xong: 15/5/2026

Chấp nhận đăng: 10/6/2026

Xuất bản: 15/7/2026

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này mô tả thực trạng nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên trong hoạt động giáo dục, đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với thiết kế mô tả cắt ngang, khảo sát bằng bảng hỏi cấu trúc đối với 489 sinh viên hệ chính quy và xử lý dữ liệu bằng thống kê mô tả trên phần mềm Jamovi. Kết quả cho thấy, sinh viên nhìn chung có thái độ tích cực đối với quyền con người và thừa nhận vai trò của giáo dục quyền con người trong môi trường sư phạm. Tuy nhiên, mức độ hiểu biết về các nhóm quyền con người, văn bản pháp luật quốc tế, quy định pháp luật Việt Nam và mức độ tham gia vào các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người còn chưa đồng đều. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn cho việc rà soát chương trình đào tạo, tăng cường hoạt động trải nghiệm và nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục quyền con người trong đào tạo giáo viên.

**Từ khóa:** *Nhận thức pháp luật về quyền con người, sinh viên sư phạm, giáo dục quyền con người, đào tạo giáo viên.*

### 1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục đại học, đặc biệt ở các cơ sở đào tạo giáo viên, giáo dục quyền con người không thể chỉ dừng ở việc truyền đạt khái niệm, văn kiện hay các giá trị phổ quát ở mức tuyên ngôn, mà cần hướng tới việc hình thành năng lực hiểu, phân tích và thực hành quyền trong các bối cảnh cụ thể. Tibbitts (2024) cho rằng, trường đại học chỉ thực sự tiếp cận theo định hướng quyền khi các nguyên tắc quyền con

người được tích hợp vào sứ mạng, quản trị, chương trình và môi trường học tập; trong khi Carney và Carty (2024) nhấn mạnh rằng tiềm năng chuyển hóa của giáo dục quyền con người chỉ được phát huy khi nó gắn với công bằng xã hội và phát triển bền vững. Điều đó cho thấy, nghiên cứu về nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên không chỉ có ý nghĩa mô tả tri thức của người học mà còn liên quan trực tiếp đến chất lượng đào tạo và khả năng kiến

tạo môi trường giáo dục tôn trọng quyền con người trong tương lai.

Các nghiên cứu đã công bố cho thấy, giáo dục quyền con người trong giáo dục đại học và đào tạo giáo viên thường được tiếp cận từ ba hướng chính: Phát triển chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và thúc đẩy tính chuyển hóa của quá trình học tập. Abedi và Fer (2023) chỉ ra nhu cầu triển khai giáo dục quyền con người trong đào tạo giáo viên ở Thổ Nhĩ Kỳ khi kiến thức, kỹ năng và giá trị liên quan đến quyền con người của đội ngũ nhà giáo còn thiếu hụt; ở một nghiên cứu tiếp theo, Abedi và Fer (2024) tiếp tục nhấn mạnh vai trò của mục tiêu, nội dung, trải nghiệm học tập và đánh giá trong phát triển chương trình giáo dục quyền con người cho sinh viên sư phạm. Cùng hướng đó, Duffy (2025) phê phán mô hình dạy học quyền con người theo lối truyền thụ một chiều vì khó thúc đẩy năng lực phản tư và nhận diện bất công cấu trúc; Johnsson (2025) cho thấy trong giáo dục đại học vẫn tồn tại khoảng cách giữa nội dung nhân quyền được giảng dạy và cách thức giảng dạy thực tế, tức là có thể nói nhiều về chuyển hóa nhưng chưa chắc đã tổ chức được những trải nghiệm học tập thực sự mang tính chuyển hóa. Những kết quả này cung cấp nền tảng quan trọng cho việc hiểu giáo dục quyền con người như một vấn đề chương trình và sư phạm nhưng đồng thời cũng cho thấy phần lớn nghiên cứu hiện nay vẫn tập trung vào cách nên dạy hơn là đo lường một cách trực tiếp người học đang hiểu gì về quyền con người ở bình diện pháp luật.

Ở cấp độ người học, một số công trình đã bắt đầu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên. Eshun (2023) khảo sát sinh viên tại University of Education, Winneba và cho thấy mức độ nhận biết các quyền hiến định có thể được mô tả và phân tích bằng thiết kế hỗn hợp; Padil và cộng sự (2023) chỉ ra rằng, sự quen thuộc với quy định pháp luật và khả năng hiểu các giới hạn của quyền có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ nhận thức của sinh viên đại học; Pratiwi và Sunaryo (2025) cho thấy một mô hình học tập mang tính tham gia như Human Rights Defender School có thể nâng cao đồng thời kiến thức và năng lực vận động quyền của sinh viên. Habibi (2025) gợi mở rằng, giáo dục quyền con người trong đại học không chỉ diễn ra ở các học phần chính thức mà còn vận hành qua những thực hành “hàm ẩn” trong lớp học, qua đó ảnh hưởng đến nhận thức và định hướng của người học. Nhìn chung, các công trình này giúp làm rõ rằng, nhận thức pháp luật về quyền con người

của sinh viên không phân bố đồng đều, mà chịu tác động bởi chương trình đào tạo, cách tổ chức học tập và mức độ tham gia của người học.

Tuy nhiên, so với những gì đã biết, vẫn còn ba khoảng trống đáng chú ý. Thứ nhất, nhiều nghiên cứu bàn sâu về chương trình đào tạo, phương pháp và môi trường học tập, nhưng lại chưa tập trung đầy đủ vào nhận thức pháp luật về quyền con người như một đối tượng nghiên cứu riêng; nói cách khác, phần lớn công trình hiện có quan tâm đến giáo dục quyền con người như một định hướng sư phạm hơn là như một cấu trúc nhận thức pháp luật của sinh viên. Thứ hai, không ít nghiên cứu có xu hướng đồng nhất sự đồng thuận với các giá trị nhân văn với mức độ hiểu biết pháp luật về quyền con người, trong khi hai bình diện này không hoàn toàn trùng khít: Một sinh viên có thể ủng hộ bình đẳng và công bằng ở mức nguyên tắc nhưng vẫn chưa nắm chắc nhóm quyền, giới hạn quyền hay cơ sở pháp lý của quyền. Thứ ba, các nghiên cứu thực nghiệm thường đo lường từng lát cắt riêng như nhận biết quyền, yếu tố ảnh hưởng hoặc hiệu quả của một mô hình can thiệp nên chưa cho thấy rõ mối quan hệ giữa hiểu biết, thái độ và tham gia trong cùng một khung phân tích. Chính vì vậy, giá trị của nghiên cứu này không chỉ nhằm khẳng định tầm quan trọng của giáo dục quyền con người mà ở chỗ chuyển trọng tâm sang đo lường trực tiếp thực trạng nhận thức pháp luật của sinh viên trên nhiều phương diện có liên hệ với nhau.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa thực tiễn rõ rệt. Đây là cơ sở đào tạo giáo viên, nơi sinh viên không chỉ được chuẩn bị về chuyên môn mà còn được hình thành năng lực nghề nghiệp gắn với việc xây dựng môi trường học đường dân chủ, an toàn và tôn trọng quyền con người. Nếu nhận thức pháp luật về quyền con người của nhóm sinh viên này chỉ dừng ở mức thái độ tích cực nhưng chưa vững về hiểu biết pháp lý và chưa được chuyển hóa thành sự tham gia trong các hoạt động giáo dục liên quan, thì khoảng cách giữa mục tiêu giáo dục quyền con người và thực hành nghề nghiệp sau này sẽ còn kéo dài. Từ đây, nghiên cứu không chỉ mang ý nghĩa mô tả thực trạng tại một cơ sở đào tạo cụ thể, mà còn có ý nghĩa như một căn cứ để rà soát nội dung chương trình, điều chỉnh phương thức tổ chức dạy học và tăng cường các hoạt động trải nghiệm trong đào tạo giáo viên.

Nhiều quốc gia đã tiến hành các nghiên cứu về nhận thức pháp luật về quyền con người trong giáo

dục đại học nhưng tại Việt Nam, chủ đề này vẫn còn khá mới mẻ và chưa có nhiều công trình công bố. Việt Nam là quốc gia đã tham gia nhiều công ước quốc tế về quyền con người và đã ban hành Hiến pháp năm 2013 với một chương riêng về quyền con người, quyền công dân. Tại các cơ sở đào tạo giáo viên, giáo dục quyền con người chủ yếu được lồng ghép trong các học phần lí luận chính trị, pháp luật đại cương và giáo dục học; song, mức độ tiếp nhận và hiểu biết của sinh viên về các nội dung này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Do đó, việc nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh - một trong những cơ sở đào tạo giáo viên lớn nhất khu vực phía Nam - có thể cung cấp bằng chứng thực nghiệm hữu ích cho bức tranh chung về giáo dục quyền con người trong bối cảnh đại học Việt Nam. Từ cơ sở lí luận và thực tiễn đó, nghiên cứu này tập trung trả lời câu hỏi trung tâm: Thực trạng nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay như thế nào? Để trả lời câu hỏi trung tâm, nghiên cứu triển khai ba câu hỏi cụ thể:

(1) Mức độ nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay được biểu hiện như thế nào?

(2) Thái độ của sinh viên đối với quyền con người và mức độ tham gia của sinh viên vào các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người trong nhà trường được thể hiện ra sao?

(3) Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc tham gia của sinh viên vào các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người trong môi trường đào tạo sư phạm?

Việc đặt ra các câu hỏi này có giá trị bổ sung rõ rệt so với các công trình đã công bố, bởi nghiên cứu không chỉ dừng ở việc khẳng định tầm quan trọng của giáo dục quyền con người hay đề xuất các mô hình can thiệp, mà trực tiếp cung cấp một bức tranh tích hợp về thực trạng nhận thức pháp luật của sinh viên sư phạm trên ba phương diện có tính cấu trúc.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định lượng với thiết kế mô tả cắt ngang, sử dụng khảo sát bằng bảng hỏi cấu trúc để thu thập dữ liệu từ sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Cỡ mẫu tối thiểu được xác định theo công thức Yamane (1967) với mức tin cậy 95% và sai số cho phép  $\pm 0,05$ , tương ứng 384 sinh viên, chiếm khoảng 9,78% so với tổng

số sinh viên hệ chính quy toàn trường; trên thực tế, nghiên cứu thu được 489 phiếu khảo sát hợp lệ, vượt mức dự kiến do thời gian thu thập dữ liệu được kéo dài hơn kế hoạch ban đầu. Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 bậc để đo lường các phương diện: Hiểu biết về quyền con người và quy định pháp luật liên quan, thái độ đối với quyền con người, mức độ tham gia các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia. Dữ liệu được mã hóa, làm sạch và xử lí bằng phần mềm thống kê Jamovi; các chỉ số được sử dụng gồm tần suất, tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình và độ lệch chuẩn. Độ tin cậy của các nhóm thang đo được kiểm định bằng hệ số alpha của Cronbach và đều đạt mức tốt, lần lượt là 0,870 đối với nhóm hiểu biết, 0,891 đối với nhóm thái độ, 0,857 đối với nhóm tham gia hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người và 0,848 đối với nhóm các yếu tố ảnh hưởng.

Ngoài phương pháp nghiên cứu định lượng, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để tổng hợp cơ sở lí luận. Do nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang và chọn mẫu thuận tiện, kết quả chủ yếu phản ánh thực trạng tại thời điểm khảo sát và cần được diễn giải thận trọng khi khái quát hóa. Trong quá trình hoàn thiện bản thảo, tác giả có sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh ở mức hỗ trợ diễn đạt, biên tập ngôn ngữ và rà soát hình thức trình bày; công cụ này không được sử dụng để tạo dữ liệu, phân tích dữ liệu hay đưa ra kết luận nghiên cứu. Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với nội dung học thuật của bài viết.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Thực trạng nhận thức và hiểu biết pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi phân tích dữ liệu từ 489 sinh viên tham gia khảo sát, kết quả cho thấy mức độ nhận thức và hiểu biết pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung đạt mức khá. Kết quả cụ thể được thể hiện ở Bảng 1.

Giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,48 đến 3,95 trên thang đo Likert 5 bậc, với hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,870, cho thấy thang đo có độ tin cậy tốt. Trong đó, nội dung "Biết đến các quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người" có điểm trung bình cao nhất (3,95), phản ánh sinh viên có xu hướng tiếp cận tốt hơn với hệ thống pháp luật trong nước. Ngược lại, nội dung "Biết đến các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người" có điểm

**Bảng 1:** Kết quả khảo sát thực trạng nhận thức và hiểu biết pháp luật về quyền con người của sinh viên

| Nội dung                                                                                        | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Xếp hạng |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------|----------|
| Có thể phân biệt các nhóm quyền con người cơ bản (dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa). | 3,53       | 0,99          | 3        |
| Biết đến các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người.                                      | 3,48       | 1,01          | 5        |
| Biết đến các quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người.                                    | 3,95       | 0,99          | 1        |
| Hiểu rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người.                             | 3,52       | 1,02          | 4        |
| Hệ số Cronbach's Alpha                                                                          | .870       |               |          |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

trung bình thấp nhất (3,48), cho thấy nhận thức của sinh viên về các văn bản pháp luật quốc tế còn hạn chế hơn. Bên cạnh đó, khả năng phân biệt các nhóm quyền con người cơ bản và hiểu rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người chỉ đạt mức trung bình khá, phản ánh nhận thức của sinh viên chưa đồng đều giữa các phương diện. Kết quả này cho thấy, sinh viên đã có nền tảng nhận thức nhất định nhưng nhận thức vẫn chưa đồng đều giữa các phương diện pháp lý quốc gia và quốc tế. Tuy nhiên, do dữ liệu được thu thập theo thiết kế cắt ngang nên chưa thể phân tích sự khác biệt về nhận thức giữa sinh viên các khóa học và các chuyên ngành đào tạo khác nhau.

### 3.2. Thực trạng thái độ của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đối với quyền con người

Sau khi phân tích dữ liệu từ 489 sinh viên tham gia khảo sát, kết quả cho thấy sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung

có thái độ khá tích cực đối với quyền con người. Kết quả cụ thể được thể hiện ở Bảng 2.

Giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,39 đến 3,95 trên thang đo Likert 5 bậc, với hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,891, cho thấy thang đo có độ tin cậy tốt. Trong đó, phát biểu "Tôi quan tâm đến các vấn đề liên quan đến quyền con người trong xã hội" có điểm trung bình cao nhất (3,95), phản ánh sinh viên có sự quan tâm tương đối rõ đối với các vấn đề quyền con người. Phát biểu về sự bình đẳng trong hưởng thụ quyền con người đạt 3,81, cho thấy định hướng giá trị của sinh viên nhìn chung theo hướng tích cực. Tuy nhiên, các phát biểu liên quan đến vai trò của giáo dục trong nâng cao nhận thức quyền con người (3,49) và trách nhiệm của giáo viên trong giáo dục học sinh về quyền con người (3,41) chỉ đạt mức trung bình khá, cho thấy nhận thức của sinh viên tuy tích cực về mặt giá trị nhưng chưa thật sự chuyển hóa đồng đều thành ý thức nghề nghiệp sư phạm. Kết quả này phản ánh khoảng cách nhất định giữa sự quan tâm đối với vấn đề quyền con

**Bảng 2:** Kết quả khảo sát thực trạng thái độ và quan điểm của sinh viên về quyền con người

| Nội dung                                                                                                 | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Xếp hạng |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------|----------|
| Mọi người đều bình đẳng về quyền con người, bất kể giới tính, dân tộc, tôn giáo hay hoàn cảnh xã hội.    | 3,39       | 1,02          | 5        |
| Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và thúc đẩy sự tôn trọng quyền con người. | 3,49       | 1,03          | 3        |
| Giáo viên có trách nhiệm giáo dục học sinh về quyền con người.                                           | 3,41       | 1,04          | 4        |
| Tôi quan tâm đến các vấn đề liên quan đến quyền con người trong xã hội.                                  | 3,95       | 0,98          | 1        |
| Hệ số Cronbach's Alpha                                                                                   | .891       |               |          |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

người và mức độ nhận thức về trách nhiệm giáo dục quyền con người trong tương lai nghề nghiệp của sinh viên. Điểm trung bình thấp nhất thuộc về phát biểu về sự bình đẳng trong hưởng thụ quyền con người (3,39), cho thấy cần tăng cường giáo dục pháp luật về quyền con người trong chương trình đào tạo để sinh viên hiểu rõ hơn về các quyền cơ bản.

### 3.3. Thực trạng tham gia hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi phân tích dữ liệu từ 489 sinh viên tham gia khảo sát, kết quả cho thấy sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có tham gia các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người nhưng mức độ tham gia chưa thật sự đồng đều. Kết quả cụ thể được thể hiện ở Bảng 3:

**Bảng 3:** Kết quả khảo sát thực trạng tham gia hoạt động giáo dục về quyền con người của sinh viên

| Nội dung                          | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Xếp hạng |
|-----------------------------------|------------|---------------|----------|
| Tham gia hội thảo, tọa đàm        | 3,63       | 1,01          | 2        |
| Tham gia dự án cộng đồng          | 3,47       | 1,03          | 4        |
| Tự nghiên cứu, tìm hiểu thông tin | 3,72       | 1,03          | 1        |
| Hệ số Cronbach's Alpha            | .857       |               |          |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,47 đến 3,72 trên thang đo Likert 5 bậc, với hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,857, cho thấy thang đo có độ tin cậy tốt. Trong đó, hoạt động "Tự nghiên cứu, tìm hiểu thông tin" có điểm trung bình cao nhất (3,72), phản ánh sinh viên có xu hướng tiếp cận vấn đề quyền con người chủ yếu thông qua nỗ lực tự học và tìm hiểu cá nhân. "Tham gia hội thảo, tọa đàm" đạt 3,63, cho thấy nhà trường đã tạo ra một số không gian học thuật nhất định để sinh viên tiếp cận chủ đề này. Trong khi đó, "Tham gia dự án cộng đồng" có điểm trung bình thấp hơn (3,47), phản ánh mức độ gắn kết của sinh viên với các hoạt động trải nghiệm thực tiễn còn hạn chế. Kết quả này cho thấy hình thức tham gia của sinh viên hiện vẫn thiên về tiếp cận cá nhân và học thuật hơn là tham gia sâu vào các hoạt động mang tính tương tác và thực hành xã hội.

### 3.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi phân tích dữ liệu từ 489 sinh viên tham gia khảo sát, kết quả cho thấy việc tham gia hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Kết quả cụ thể được thể hiện ở Bảng 4:

**Bảng 4:** Kết quả khảo sát thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người của sinh viên

| Nội dung               | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Xếp hạng |
|------------------------|------------|---------------|----------|
| Chuyên ngành học       | 3,64       | 0,96          | 2        |
| Hoạt động ngoại khóa   | 3,58       | 1,00          | 3        |
| Tiếp cận thông tin     | 3,46       | 1,02          | 4        |
| Yếu tố cá nhân         | 3,71       | 0,94          | 1        |
| Hệ số Cronbach's Alpha | .848       |               |          |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Giá trị trung bình của các yếu tố dao động từ 3,46 đến 3,71 trên thang đo Likert 5 bậc, với hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,848, cho thấy thang đo có độ tin cậy tốt. Trong đó, "Yếu tố cá nhân" có điểm trung bình cao nhất (3,71), phản ánh mức độ quan tâm, hệ giá trị, niềm tin, kinh nghiệm sống và động cơ học tập có vai trò nổi bật đối với quyết định tham gia của sinh viên. "Chuyên ngành học" đứng thứ hai (3,64), cho thấy đặc thù chương trình đào tạo và mức độ gần gũi của nội dung quyền con người với lĩnh vực học tập có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi tham gia. "Hoạt động ngoại khóa" đạt 3,58, phản ánh vai trò của hội thảo, tọa đàm, câu lạc bộ và dự án cộng đồng, dù cơ hội tiếp cận và mức độ hấp dẫn của các hoạt động này chưa thật sự đồng đều giữa các nhóm sinh viên. Trong khi đó, "Tiếp cận thông tin" có điểm trung bình thấp nhất (3,46), cho thấy học liệu, truyền thông, Internet và các kênh thông tin của nhà trường có tác động nhất định, nhưng hiệu quả còn phụ thuộc vào khả năng chọn lọc và mức độ chủ động của người học. Kết quả này phản ánh hành vi tham gia của sinh viên không chỉ chịu tác động từ điều kiện tổ chức của nhà trường mà còn gắn chặt với động cơ và sự sẵn sàng nội tại của chính người học.

#### 4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh không phân bố đồng đều giữa các thành tố, mà hình thành theo một cấu trúc lệch tầng. Sinh viên có thái độ khá tích cực đối với quyền con người, nhưng mức độ hiểu biết pháp lý và mức độ tham gia vào các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người vẫn chỉ ở mức khá và có sự chênh lệch giữa các nội dung. Điều này cho thấy giáo dục pháp luật về quyền con người trong môi trường sư phạm đã bước đầu tạo dựng được định hướng giá trị, song quá trình chuyển hóa từ quan tâm và đồng thuận sang hiểu biết pháp lý có hệ thống, rồi từ hiểu biết sang hành vi tham gia, vẫn chưa diễn ra đồng đều. Theo Tibbitts (2024), đại học chỉ thực sự vận hành theo tiếp cận dựa trên quyền khi các nguyên tắc quyền con người được tích hợp vào sứ mạng, quản trị, chương trình và môi trường học tập; Carney và Carty (2024) nhấn mạnh rằng, tác động chuyển hóa của giáo dục quyền con người chỉ xuất hiện rõ khi nó gắn với công bằng xã hội và được tổ chức như một quá trình học tập có chiều sâu. Từ đó có thể thấy, kết quả của nghiên cứu này không đơn thuần phản ánh mức độ hiểu biết của sinh viên, mà còn phản ánh mức độ hoàn chỉnh của quá trình tích hợp giáo dục quyền con người trong đào tạo giáo viên.

Phát hiện thứ nhất là sinh viên có mức độ nhận thức cao hơn về các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến quyền con người, trong khi nhận thức về các văn bản pháp luật quốc tế và khả năng phân biệt các nhóm quyền con người cơ bản còn thấp hơn. Mẫu hình này cho thấy tri thức của người học hiện vẫn nghiêng về các nội dung gần với bối cảnh đào tạo trong nước và những tri thức dễ tiếp cận hơn trong học tập chính khóa, thay vì đạt đến một nhận thức có tính hệ thống giữa pháp luật quốc gia, pháp luật quốc tế và cấu trúc các nhóm quyền. Kết quả này tương đồng với Eshun (2023) và Padil và cộng sự (2023), khi các nghiên cứu đó cũng cho thấy mức độ nhận thức của sinh viên không đồng đều và chịu tác động của sự quen thuộc với quy định pháp luật. Từ góc độ đào tạo giáo viên, phát hiện này đồng thời ủng hộ lập luận của Abedi và Fer (2023, 2024) rằng, giáo dục quyền con người chỉ tạo ra năng lực bền vững khi chương trình được thiết kế rõ về mục tiêu, nội dung và đánh giá; nếu không, người học dễ dừng ở mức “biết đến” hơn là “hiểu sâu”. Như vậy, kết quả của nghiên cứu này phản ánh một đặc điểm quan trọng: khoảng cách giữa

nhận thức pháp luật trong nước và quốc tế trong nhóm sinh viên sư phạm.

Phát hiện thứ hai là thái độ của sinh viên đối với quyền con người nhìn chung tích cực, thể hiện rõ nhất ở mức độ quan tâm cao đến các vấn đề quyền con người trong xã hội. Tuy nhiên, các chỉ báo liên quan đến vai trò của giáo dục trong nâng cao nhận thức quyền con người và trách nhiệm của giáo viên trong giáo dục học sinh về quyền con người chỉ đạt mức trung bình khá. Điều này cho thấy một khoảng cách đáng kể giữa sự đồng thuận ở bình diện giá trị với sự tự ý thức ở bình diện nghề nghiệp. Tuy nhiên, sinh viên có thể quan tâm đến quyền con người như một vấn đề xã hội, nhưng chưa nhận thức đầy đủ quyền con người như một phần của năng lực nghề sư phạm. Phát hiện này rất gần với phân tích của Johnson (2025), theo đó vẫn tồn tại khoảng cách giữa nội dung quyền con người được giảng dạy và cách thức nó được nội hóa trong thực hành giáo dục đại học; đồng thời cũng phù hợp với Duffy (2025), khi tác giả phê phán mô hình truyền thụ một chiều vì khó giúp người học chuyển từ sự đồng tình chuẩn tắc sang năng lực phản tư và hành động. Từ đó, nghiên cứu này gọi ra rằng, thách thức của đào tạo giáo viên không chỉ là làm cho sinh viên “quan tâm” đến quyền con người, mà là làm cho họ nhận thức rõ quyền con người như một phần của trách nhiệm nghề nghiệp tương lai.

Phát hiện thứ ba cho thấy mức độ tham gia của sinh viên vào các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người còn nghiêng về các hình thức mang tính cá nhân, đặc biệt là tự nghiên cứu và tìm hiểu thông tin, trong khi mức độ tham gia vào các hoạt động có tính trải nghiệm cộng đồng thấp hơn. Đây là một kết quả có ý nghĩa vì nó phản ánh xu hướng “nhận thức hóa” mạnh hơn “thực hành hóa”. Sinh viên hiện tiếp cận quyền con người nhiều qua tự học và không gian học thuật, nhưng chưa tham gia tương xứng vào các hoạt động mang tính đối thoại xã hội, hợp tác cộng đồng hoặc can dự thực tiễn. Phát hiện này tương thích với lập luận của Duffy (2025) và Johnsson (2025) về tính chuyển hóa trong giáo dục pháp luật về quyền con người. Từ đó, điểm tham gia cộng đồng thấp hơn trong nghiên cứu này không chỉ là một phát hiện mô tả, mà còn phản ánh giới hạn của môi trường đào tạo hiện tại trong việc tạo ra các không gian thực hành quyền cho sinh viên sư phạm.

Phát hiện thứ tư liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng cho thấy sự tham gia của sinh viên chịu tác động đồng thời bởi yếu tố cá nhân, chuyên ngành

học, hoạt động ngoại khóa và mức độ tiếp cận thông tin, trong đó yếu tố cá nhân giữ vai trò nổi bật nhất. Điều này cho thấy hành vi tham gia vào giáo dục pháp luật về quyền con người không chỉ là kết quả của cơ hội bên ngoài, mà trước hết gắn với động cơ, hệ giá trị, niềm tin và sự sẵn sàng nội tại của người học. Kết quả này phù hợp với Padil và cộng sự (2023), khi nghiên cứu đã chỉ ra rằng mức độ quen thuộc với quyền và cách hiểu về giới hạn của quyền tác động trực tiếp đến nhận thức của sinh viên. Nó tương hợp với Habibi (2025), người cho thấy các thực hành “hàm ẩn” trong lớp học có thể định hình nhận thức và mức độ gắn kết của sinh viên ngay cả khi quyền con người không hiện diện như một học phần chính thức. Vì vậy, kết quả của nghiên cứu này gợi ý rằng, muốn tăng cường tham gia, nhà trường không thể chỉ mở thêm hoạt động, mà còn phải tác động vào động cơ học tập, tính phù hợp với chuyên ngành và chất lượng không gian giáo dục mà sinh viên thực sự trải nghiệm.

Từ các phát hiện trên, nghiên cứu này tạo ra đóng góp ở cả phương diện lý thuyết và thực tiễn. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu góp phần cụ thể hóa nhận thức pháp luật về quyền con người như một cấu trúc đa thành tố trong bối cảnh đào tạo giáo viên, bao gồm hiểu biết pháp lý, thái độ đối với quyền con người, mức độ tham gia vào các hoạt động giáo dục pháp luật về quyền con người và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia. Đóng góp này có ý nghĩa vì nhiều công trình trước tập trung mạnh vào chương trình, phương pháp sư phạm hoặc tính chuyển hóa của giáo dục pháp luật về quyền con người, nhưng chưa đo lường trực tiếp nhận thức pháp luật của sinh viên như một chỉnh thể tích hợp. Theo nghĩa đó, nghiên cứu này bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho hướng tiếp cận coi nhận thức pháp luật về quyền con người không chỉ là mức độ biết các quy định, mà còn là sự gắn kết giữa tri thức pháp lý, định hướng giá trị và khả năng tham gia. Đồng thời, nghiên cứu làm rõ rằng thái độ tích cực không tự động đồng nghĩa với hiểu biết pháp lý sâu hay mức độ tham gia cao.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp dữ liệu trực tiếp từ một cơ sở đào tạo sư phạm cụ thể, qua đó nhận diện được những khoảng trống cần ưu tiên can thiệp trong tích hợp giáo dục pháp luật về quyền con người. Trước hết, chương trình đào tạo cần làm rõ hơn mối liên hệ giữa các nhóm quyền, pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế để hạn chế tình trạng hiểu biết lệch về phía các quy định trong nước. Tiếp theo, nhà trường cần tăng tỉ trọng các hình thức học tập mang tính trải nghiệm như dự án cộng đồng, thảo

luận tình huống, học tập phục vụ cộng đồng và thực hành phản tư nghề nghiệp, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa thái độ tích cực và hành vi tham gia. Sau cùng, việc tổ chức giáo dục pháp luật về quyền con người cần tính đến đặc thù chuyên ngành và động cơ nội tại của người học thay vì triển khai theo một khuôn mẫu đồng nhất. Các hàm ý này phù hợp với định hướng của nhiều nghiên cứu gần đây về sự cần thiết liên kết giữa chương trình đào tạo, môi trường học tập và cơ hội hành động của người học.

Tuy nhiên, kết quả của nghiên cứu cần được diễn giải thận trọng. Thiết kế mô tả cắt ngang và phương thức chọn mẫu thuận tiện giúp mô tả được thực trạng tại thời điểm khảo sát, nhưng chưa cho phép xác định quan hệ nhân quả theo nghĩa chặt hay khái quát rộng cho toàn bộ sinh viên sư phạm ở các bối cảnh khác. Dữ liệu tự báo cáo cũng có thể chịu ảnh hưởng của xu hướng trả lời xã hội mong muốn, đặc biệt ở nhóm biến thái độ. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi sang nhiều cơ sở đào tạo giáo viên, kết hợp thiết kế hỗn hợp hoặc nghiên cứu dọc để làm rõ hơn cơ chế chuyển hóa từ hiểu biết sang hành vi tham gia cũng như kiểm định sâu hơn tác động của chuyên ngành, môi trường học tập và các mô hình can thiệp đối với nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, nhận thức pháp luật về quyền con người của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung đạt mức khá, song chưa đồng đều giữa các phương diện hiểu biết, thái độ và tham gia. Kết quả cho thấy sự tham gia của sinh viên chịu tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là yếu tố cá nhân, chuyên ngành học, hoạt động ngoại khóa và khả năng tiếp cận thông tin. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khẳng định sự cần thiết phải tăng cường tích hợp giáo dục quyền con người trong đào tạo giáo viên theo hướng có hệ thống hơn về nội dung pháp lý, gắn kết hơn với trải nghiệm học tập và chú trọng hơn đến việc chuyển hóa từ nhận thức sang hành động, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục quyền con người trong môi trường đại học sư phạm. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát sang nhiều cơ sở đào tạo giáo viên ở các vùng miền khác nhau, kết hợp phương pháp định tính để làm rõ hơn cơ chế chuyển hóa từ nhận thức sang hành vi tham gia, đồng thời kiểm định tác động của các mô hình can thiệp giáo dục pháp luật về quyền con người đối với năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm.

## Tài liệu tham khảo

- Abedi, F. Y. & Fer, S. (2023). Human rights education implementation in Turkish teacher education: Faculty members' and teacher candidates' views. *Human Rights Education Review*, 6(1), pp.72–94. <https://doi.org/10.7577/hrer.5096>.
- Abedi, F. Y. & Fer, S. (2024). Curriculum development in human rights education: Teacher candidates and faculty members' views. *International Journal of Human Rights Education*, 8(1), Article 7.
- Angel-Alvarado, R. (2025). Human rights education through collaborative songwriting: A workshop for music teacher education in Chile. *Music Education Research*, 27(5), pp.519–531. <https://doi.org/10.1080/14613808.2025.2543372>.
- Carney, S. & Carty, C. (2024). Pathways to change: The transformative potential of human rights and sustainable development in and through education. *Prospects*, 54, pp.483–490. <https://doi.org/10.1007/s11125-023-09671-8>.
- Duffy, A. (2025). Applying critical pedagogies to human rights education. *The International Journal of Human Rights*, 29(2), pp.382–406. <https://doi.org/10.1080/13642987.2024.2411623>.
- Eshun, I. (2023). Assessing students' level of awareness of their constitutional human rights. *Asian Journal of Education and Social Studies*, 49(4), pp.467–482. <https://doi.org/10.9734/AJESS/2023/V49I41225>.
- Habibi, A. (2025). The power of the 'implicit': Enacting global citizenship education and human rights education in Chinese higher education classrooms. *Human Rights Education Review*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1080/25355406.2025.2568532>.
- Johnsson, C. (2025). Transformative university human rights education. *Human Rights Education Review*, 8(1), pp.55–67. <https://doi.org/10.1080/25355406.2025.2452124>.
- Keet, A. & Rafaely, D. (2025). 'Beyond' critique: Universities, human rights, decolonisation, and the Sustainable Development Goals. *Comparative Education*, 61(3), pp.461–479. <https://doi.org/10.1080/03050068.2025.2463811>.
- Loder, L. (2025). Trauma-informed human rights teaching in higher education. *Journal of Learning Development in Higher Education*, (36). doi:10.47408/jldhe.vi36.1368. *Journal of Learning Development in Higher Education*, (36). <https://doi.org/10.47408/jldhe.vi36.1368>.
- Lozic, V. & Nazar, G. (2026). Children as teacher educators: Advancing children's rights education and agency in teacher education. *Human Rights Education Review*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1080/25355406.2026.2647026>.
- Martin, J. P. & Dutt, S. (2023). Evaluating the past and charting the future of human rights education. *International Journal of Human Rights Education*, 7(1), Article 6.
- Padil, H. M., Ahmad, N. L., Nudin, N. A. & Azmi, A. F. (2023). Determinants for awareness of basic human rights among university students. *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, 13(8), pp.369–378. <https://doi.org/10.6007/IJARBS/v13-i8/17655>.
- Pratiwi, C. S. & Sunaryo, S. (2025). Empowering university students: Advancing human rights knowledge and advocacy through Human Rights Defender Schools. *Jurnal Pengabdian Hukum Indonesia (Indonesian Journal of Legal Community Engagement)*, 8(2). <https://doi.org/10.15294/jphi.v8i2.20653>.
- Quennerstedt, A., Gawlicz, K., Duda, D. & Francia, G. (2025). The elusive content of children's human rights education. *Journal of Curriculum Studies*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1080/00220272.2025.2578739>.
- Struthers, A. E. C. & Brittle, R. (2025). Human rights education and safeguarding: Perceptions of teaching practices in England and Scotland. *Human Rights Education Review*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1080/25355406.2025.2452120>.
- Tibbitts, F. (2024). Revitalizing the mission of higher education through a human rights-based approach. *Prospects*, 54, pp.401–409. <https://doi.org/10.1007/s11125-023-09654-9>.
- von Berg, P. (2023). How research into citizenship education at university might enable transformative human rights education. *Human Rights Education Review*, 6(1), pp.30–51. <https://doi.org/10.7577/hrer.5120>.
- von Berg, P. (2025). Exploring liminality for transformative human rights education in higher education. *Human Rights Education Review*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1080/25355406.2025.2452127>.
- Wang, L. (2025). Rethinking human rights and global citizenship education through Confucian values: Insights from a Chinese high school. *Human Rights Education Review*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1080/25355406.2025.2551831>.